HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 192/NQ-HĐND	*Cần Thơ, ngày 29 tháng 8 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và các nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp huyện quản lý sau khi sắp xếp đơn vị hành chính

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thành phố Cần Thơ năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Công văn số 7067/BTC-TH ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc thông báo kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2024 sang năm 2025;

Xét Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và các nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp huyện quản lý sau khi sắp xếp đơn vị hành chính; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và các nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp huyện quản lý của thành phố Cần Thơ tiếp nhận sau sáp nhập từ 03 tỉnh, thành phố tại thời điểm ngày 01/7/2025 là 384.271,98 triệu đồng. Trong đó:

1. Thành phố Cần Thơ (cũ)

Tổng số là 71.518,37 triệu đồng, cụ thể:

a) Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 2.219,11 triệu đồng.

b) Nguồn tiền sử dụng đất: 9.086,63 triệu đồng.

c) Nguồn xổ số kiến thiết: 146,07 triệu đồng.

d) Nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu: 60.066,56 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục I-CANTHO đính kèm)

2. Tỉnh Hậu Giang (cũ)

Tổng số là 112.641,61 triệu đồng, cụ thể:

a) Vốn ngân sách địa phương (nguồn do cấp huyện cho phép chuyển nguồn, thực hiện và giải ngân năm 2024 sang năm 2025): 18.846,61 triệu đồng.

b) Ngân sách Trung ương: 93.795 triệu đồng; trong đó: Vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia là 1.760 triệu đồng.

(Chi tiết theo các phụ lục: I-HAUGIANG, II-HAUGIANG, III-HAUGIANG, IV-HAUGIANG, V-HAUGIANG, VI-HAUGIANG, VII-HAUGIANG, VIII-HAUGIANG đính kèm)

3. Tỉnh Sóc Trăng (cũ)

Tổng số là 200.112 triệu đồng, cụ thể:

a) Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (cân đối ngân sách địa phương): 354 triệu đồng.

b) Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 211 triệu đồng.

c) Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 150.199 triệu đồng.

d) Nguồn vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023 (vốn tăng thu xổ số kiến thiết): 37.776 triệu đồng.

đ) Nguồn vốn khác cấp huyện giao bổ sung: 11.572 triệu đồng.

(Chi tiết theo các phụ lục: I-SOCTRANG, II-SOCTRANG, III-SOCTRANG, IV-SOCTRANG, V-SOCTRANG, VI-SOCTRANG đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

b) Quyết định việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 kéo dài theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng cân đối, đặc điểm cụ thể của địa phương và giải quyết các vấn đề cấp bách, quan trọng phát sinh từ thực tiễn trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ Khóa X, Kỳ họp thứ Ba thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Đồng Văn Thanh

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- TT. Điều hành đô thị thông minh;
- TT. Lưu trữ lịch sử;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT.

Phụ lục - CẦN THƠ

DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mã dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2024	Giải ngân từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025	Số vốn còn lại được kéo dài thanh toán sang năm 2025	Trong đó				Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						Cân đối NSĐP	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	NSTW bổ sung có mục tiêu	
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó									
					NSĐP	NSTW								
	Tổng cộng			**10.226.729,60**	**1.297.522,60**	**8.929.207,00**	**2.151.586.000**	**2.075.642,475**	**71.518,370**	**2.219,111**	**9.086,626**	**146,071**	**60.066,562**	
I	**Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông và nông nghiệp thành phố Cần Thơ**			**9.725.097,00**	**1.000.000,00**	**8.725.097,00**	**2.000.000.000**	**1.951.283,438**	**48.716,562**				**48.716,562**	
1	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc-Cần Thơ-Sóc Trăng giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ	7969768	290/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	9.725.097,00	1.000.000,00	8.725.097,00	2.000.000.000	1.951.283,438	48.716,562				48.716,562	
II	**Chi cục Thủy lợi**			**223.056,00**	**18.946,00**	**204.110,00**	**55.000,000**	**39.384,500**	**11.350,000**				**11.350,000**	
1	Kè chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ Ô Môn đến vàm Ba Rích), phường Thới Hòa, quận Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu)	7824591	2050/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	223.056,00	18.946,00	204.110,00	55.000,000	39.384,500	11.350,000				11.350,000	
III	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ô Môn**			**85.488,00**	**85.488,00**		**21.064,000**	**18.948,065**	**2.115,935**	**739,104**	**1.331,106**	**45,725**	**0,000**	
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Trần Nguyên Hãn	7880226	6298/QĐ-UBND, ngày 10/11/2022	15.613,00	15.613,00		1.376,000	1.053,188	322,812		322,812			
2	Nâng cấp các tuyến đường khu Dân tộc nội trú	7880228	6299/QĐ-UBND, ngày 10/11/2022	23.924,00	23.924,00		3.292,000	2.508,989	783,011		783,011			
3	Nâng cấp tuyến đường Dân tộc Nội trú - Trà Keo	7911671	2720/QĐ-UBND, ngày 17/5/2022	12.817,00	12.817,00		2.403,000	2.177,717	225,283		225,283			
4	Trường trung học cơ sở Lê Lợi	7942136	7519/QĐ-UBND, ngày 21/12/2022	2.426,00	2.426,00		870,000	824,275	45,725			45,725		
5	Nâng cấp, sửa chữa khuôn viên Trụ sở Quân Ủy, MTTQ và Ủy ban nhân dân quận	7911670	4001/QĐ-UBND, ngày 20/7/2022	14.812,00	14.812,00		2.900,000	2.683,299	216,701	216,701				
6	Nâng cấp, sửa chữa khu hành chính phường Phước Thới	7942132	7595/QĐ-UBND, ngày 26/12/2022	1.897,00	1.897,00		927,000	815,011	111,989	111,989				
7	Sửa chữa các nhà văn hóa khu vực phường Long Hưng	8008542	7150/QĐ-UBND, ngày 26/7/2021	2.000,00	2.000,00		1.184,000	1.109,657	74,343	74,343				
8	Xây dựng Nhà văn hóa khu vực Thới Hưng	8058141	6301/QĐ-UBND, ngày 10/11/2022	900,00	900,00		707,000	668,066	38,934	38,934				
9	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm văn hóa phường Thới An	8058152	10624/QĐ-UBND, ngày 03/11/2023	1.700,00	1.700,00		1.000,000	989,701	10,299	10,299				
10	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm văn hóa phường Thới Hòa	8058150	10625/QĐ-UBND, ngày 03/11/2023	1.500,00	1.500,00		1.200,000	1.185,851	14,149	14,149				
11	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm văn hóa phường Thới Long	8058149	10626/QĐ-UBND, ngày 03/11/2023	1.000,00	1.000,00		850,000	753,459	96,541	96,541				
12	Xây dựng Bart bảo vệ dân phố phường Long Hưng	8058142	6300/QĐ-UBND, ngày 10/11/2022	2.633,00	2.633,00		1.050,000	985,715	64,285	64,285				
13	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở phường đôi Châu Văn Liêm	8008540	7164/QĐ-UBND, ngày 26/7/2021	1.000,00	1.000,00		796,000	771,460	24,540	24,540				
14	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở phường đôi Phước Thới	8008539	7165/QĐ-UBND, ngày 26/7/2021	1.000,00	1.000,00		843,000	820,510	22,490	22,490				
15	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Công an phường Thới Long	8008537	7597/QĐ-UBND, ngày 26/12/2022	1.069,00	1.069,00		838,000	782,509	55,491	55,491				
16	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Phường đôi Trường Lạc	8058147	10628/QĐ-UBND, ngày 03/11/2023	1.197,00	1.197,00		828,000	818,658	9,342	9,342				
IV	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Bình Thủy**			**39.058,10**	**39.058,10**		**34.145,000**	**33.947,356**	**118,116**	**50,128**	**38,983**	**29,005**		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường bên phải rạch Xẻo Khế, phường Thới An Đông	7958001	1463/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	9.015,33	9.015,33		6.280,000	6.233,122	46,441	46,441				
2	Nâng cấp hệ thống camera an ninh trên địa bàn quận Bình Thủy	8065174	1041/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	1.043,38	1.043,38		929,000	924,374	3,687	3,687				
3	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở làm việc Công an quận Bình Thủy	8065172	1038/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	14.766,36	14.766,36		14.089,000	14.001,227	29,005			29,005		

STT	Nội dung	Mã dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2024	Giải ngân từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025	Số vốn còn lại được kéo dài thanh toán sang năm 2025	Trong đó				Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						Cân đối NSĐP	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	NSTW bổ sung có mục tiêu	
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó									
					NSĐP	NSTW								
4	Mua sắm tập trung trang thiết bị dạy học tối thiểu lớp 5 và lớp 9 các trường Tiểu học và Trung học cơ sở thuộc quận Bình Thuỷ	8065175	624/QĐ-UBND ngày 07/2/2024	14.233,03	14.233,03		12.847,000	12.788,633	38,983		38,983	0,000		
V	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thốt Nốt**			**35.683,00**	**35.683,00**		**5.113,000**	**4.621,000**	**492,000**	**468,463**	**23,537**			
1	Trường Tiểu học Thạnh Hòa 1, HM: Xây mới 04 phòng, hệ thống PCCC, sửa chữa các dãy phòng học cũ	7897261	2686/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	7.493,00	7.493,00		248,000		248,000	248,000				
2	Đường Thanh Niên nối dài tuyến tránh Thốt Nốt	7894335	1435/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	28.190,00	28.190,00		4.865,000	4.621,000	244,000	220,463	23,537			
VI	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phong Điền**			**15.338,00**	**15.338,00**		**2.573,000**	**2.397,392**	**95,481**	**29,140**		**66,341**		
1	Nâng cấp sửa chữa trụ sở UBND xã Nhơn Nghĩa	7675511	7193; 29/9/2017	1.029,00	1.029,00		154,000	101,786	9,214	9,214				
2	Xây dựng chốt An ninh trật tự xã Trường Long	7727924	3258, 18/10/2018	435,00	435,00		16,000	2,410	13,590	0,000		13,590		
3	Sửa chữa bổ sung trụ sở UBND xã Tân Thới	7796276	3404, 30/10/2019	900,00	900,00		55,000	2,116	19,926	19,926				
4	Nâng cấp mở rộng trường THCS Nhơn Nghĩa	7862505	2583; 20/7/2022	12.974,00	12.974,00		2.348,000	2.291,080	52,751			52,751		
VII	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vĩnh Thạnh**			**103.009,50**	**103.009,50**		**33.691,000**	**25.060,724**	**8.630,276**	**932,276**	**7.693,000**	**5,000**		
1	Sửa chữa trụ sở Công an xã Thạnh Lợi	8008530	777/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	918,28	918,28		11,000		11,000	11,000				
2	Sửa chữa, mua sắm thiết bị Trường Mầm non Vĩnh Bình	7869896	7959A/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	1.732,34	1.732,34		5,000		5,000			5,000		
3	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh 916 (từ QL 80 đến ngã ba Thạnh Lợi)	7870028	7818/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	92.770,87	92.770,87		28.641,000	20.948,000	7.693,000		7.693,000			
4	Sửa chữa Trụ sở Uỷ ban nhân dân thị trấn Vĩnh Thạnh, nhà thông tin ấp và một số nội dung về văn hóa, thông tin	8106416	3232/QĐ-UBND ngày 28/8/2024	1.800,00	1.800,00		700,000	97,800	602,200	602,200				
5	Trung tâm điều hành thông minh của huyện	8051647	5927/QĐ-UBND, ngày 26/12/2023	5.788,00	5.788,00		4.334,000	4.014,924	319,076	319,076				

Phụ lục I-HAUGIANG

TỔNG HỢP SỐ VỐN KẾ HOẠCH NĂM 2024
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	**112.641,610**	
I	**Vốn ngân sách địa phương**	**18.846,610**	
	Trong đó:		
1	Nguồn vốn tài trợ của Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Hậu Giang	9.798,029	
2	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2023	3.288,993	
3	Nguồn sử dụng đất năm 2023	1.483,464	
4	Nguồn tỉnh bổ sung năm 2024	2.822,156	
5	Nguồn vốn chi đầu tư phát triển đã bố trí cho các công trình trong năm 2023 giải ngân không hết	1.453,968	
II	**Vốn ngân sách trung ương**	**93.795,000**	
	Trong đó:		
1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	4.802,000	
2	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án quan trọng khác	87.233,000	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	1.439,000	
4	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	321,000	

Phụ lục II-HAUGIANG

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2024 SANG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024 sang năm 2025	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
	TỔNG CỘNG				**17.255**	**-**	**1.760**	**1.439**	**321**	
A	**CẤP TỈNH QUẢN LÝ**				**1.236**	**-**	**321**		**321**	
I	**Sở Khoa học và Công nghệ (nay là Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Cần Thơ)**				**1.236**	**-**	**321**		**321**	
1	Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	2022	2024	225/QĐ-SKHĐT, 14/11/2022	1.236		321		321	
B	**CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (NAY LÀ BAN KHU VỰC)**				**16.019**	**-**	**1.439**	**1.439**		
I	**UBND thành phố Vị Thanh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vị Thanh)**				**16.000**	**-**	**1.420**	**1.420**		
1	Trường Tiểu học Trần Quang Diệu, xã Vị Tân	2022	2024	1895/QĐ-UBND, ngày 15/11/2022	16.000		1.420	1.420		
II	**UBND huyện Vị Thủy (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vị Thủy)**				**19**		**19**	**19**		
1	Nhà văn hóa ấp 3A	2023	2025	2498/QĐ-UBND, 18/7/2022	617		3	3		
2	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 9B	2022	2024	2489/QĐ-UBND, 18/7/2022	1.600		6	6		
3	Nâng cấp, sửa chữa trường tiểu học Vị Bình 1	2022	2024	1527/QĐ-UBND, 06/9/2022	18.000		10	10		

Phụ lục III-HAUGIANG

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC ĐƯỢC KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 SANG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Số vốn kế hoạch năm 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Tổng số				**10.079.309**	**9.254.663**	**92.035**	
A	**CẤP TỈNH QUẢN LÝ**				**9.981.976**	**9.158.330**	**91.835**	
I	**Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang (không đổi tên sau sáp nhập)**				**229.996**	**229.850**	**1.034**	
1	Đầu tư xây dựng Cầu số 1, đường số 5 và đường số 1 thuộc Khu Trung tâm Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang	2021	2024	713/QĐ-UBND, 14/4/2021	229.996	229.850	1.034	
II	**Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang (không đổi tên sau sáp nhập)**				**150.000**	**150.000**	**3.568**	
1	Khu tái định cư Đông Phú phục vụ Khu công nghiệp Sông Hậu	2022	2025	50/QĐ-UĐND, 10/01/2022; 1675/QĐ-UBND, 29/9/2022; 983/QĐ-UBND, 14/6/2023	150.000	150.000	3.568	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Số vốn kế hoạch năm 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
III	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp thành phố Cần Thơ)**				**9.601.980**	**8.778.480**	**87.233**	
1	Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	2023	2027	2248/QĐ-UBND, 30/12/2022; 1311/QĐ-UBND, 02/8/2023	9.601.980	8.778.480	87.233	đổi chủ đầu tư
B	**CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (NAY LÀ BAN KHU VỰC)**				**97.333**	**96.333**	**200**	
I	**UBND huyện Phụng Hiệp (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phụng Hiệp)**				**97.333**	**96.333**	**200**	
1	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh 927 (đoạn từ xã Phương Bình đến thị trấn Cây Dương)	2021	2024	1896/QĐ-UBND, 29/10/2019; 2329/QĐ-UBND, 04/12/2020	97.333	96.333	200	

Phụ lục IV-HAU GIANG

DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025

(Nguồn vốn: Vốn tài trợ của Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Hậu Giang)

(Kèm theo Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	TỔNG SỐ				**24.499**	**0**	**21.852**	**11.992**	**9.860**	**9.798**	
I	**NGÂN SÁCH HUYỆN QUẢN LÝ (NAY LÀ BAN KHU VỰC)**				**24.499**	**0**	**21.852**	**11.992**	**9.860**	**9.798**	
1	**UBND thành phố Vị Thanh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vị Thanh)**				**11.499**	**-**	**8.931**	**6.537**	**2.394**	**2.362**	
(1)	Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học cơ sở Hoàng Diệu, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	2023-2025	8117965	QĐ số 93/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	1.000		500	55	445	445	
(2)	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Hoa Sen, xã Hoa Tiến, thành phố Vị Thanh	2023-2025	8117907	QĐ số 94/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	1.000		500	58	442	442	
(3)	Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học cơ sở Nguyễn Viết Xuân, xã Hoa Lưu, thành phố Vị Thanh	2023-2025	8117968	QĐ số 83/QĐ-UBND ngày 09/01/2025	1.000		500	59	441	441	
(4)	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Ánh Hồng, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh	2023-2025	8117970	QĐ số 248/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	1.000		500	59	441	441	
(5)	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	2023-2025	8117969	QĐ số 135/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	1.000		500	60	440	440	
(6)	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Hương Sen, xã Hỏa Lưu, thành phố Vị Thanh	2024-2026	8089955	QĐ số 2174/QĐ-UBND ngày 30/07/2024	1.100		1.099	1.051	48	48	
(7)	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Tương Lai, phường VII, thành phố Vị Thanh	2024-2026	8087067	QĐ số 2014/QĐ-UBND ngày 16/07/2024	1.100		1.098	1.073	25	25	
(8)	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	2024-2026	8087069	QĐ số 2073/QĐ-UBND ngày 30/07/2024	1.100		1.076	1.065	11	11	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
(9)	Nâng sân Trường Tiểu học Nguyễn Bỉnh Khiêm, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh	2024-2026	8087066	QĐ số 1917/QĐ-UBND ngày 12/07/2024	1.100		1.079	1.050	29	29	
(10)	Nâng sân Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái, phường VII thành phố Vị Thanh	2024-2026	8087068	QĐ số 2303/QĐ-UBND ngày 09/08/2024	1.100		1.080	1.047	33	33	
(11)	Mua trang thiết bị cho Trường THCS Hoàng Diệu, xã Vị Tân, TPVT	2023-2024	8062473	QĐ số 5915/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	999		999	961	38	6	
2	**UBND thành phố Ngã Bảy (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ngã Bảy)**				**5.000**	**-**	**5.000**	**299**	**4.701**	**4.701**	
(1)	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Hoa Phượng và Trường Mẫu giáo Phong Lan, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	2024-2025	8123410	2759/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	1.000		1.000	61	939	939	
(2)	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Kim Đồng, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	2024-2025	8123409	2758/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	1.000		1.000	56	944	944	
(3)	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Lý Tự Trọng, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	2024-2025	8123411	2760/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	1.000		1.000	61	939	939	
(4)	Nâng cấp mở rộng nhà ăn bán trú Trường Tiểu học Lái Hiếu, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	2024-2025	8123406	2756/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	1.000		1.000	61	939	939	
(5)	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Tân Thành 2, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	2024-2025	8123407	2757/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	1.000		1.000	61	939	939	
3	**UBND thị xã Long Mỹ (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Mỹ 1)**				**4.000**	**-**	**3.970**	**1.360**	**2.610**	**2.609**	
(1)	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Long Phú 1	2024-2025	8108994	4896/QĐ-UBND, 8/11/2024	1.000		992	340	652	651	
(2)	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Long Trị 1	2024-2025	8108993	4893/QĐ-UBND, 8/11/2024	1.000		993	340	653	653	
(3)	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Long Phú	2024-2025	8108992	4783/QĐ-UBND, 31/10/2024	1.000		992	340	652	652	
(4)	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Trịnh Văn Thì	2024-2025	8108991	4783/QĐ-UBND, 31/10/2024	1.000		993	340	653	653	
4	**UBND huyện Vị Thủy (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vị Thủy)**				**4.000**		**3.951**	**3.796**	**155**	**126**	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
(1)	Mua sắm trang thiết bị cho Trường tiểu học Vị Thanh 1 và Trường THCS Ngô Quốc Trị	2024-2025	8095800	1986/QĐ-UBND, 27/6/2024	1.000		986	956	30	27	
(2)	Nâng cấp, sửa chữa trường trung học cơ sở Ngô Quốc Trị	2024-2025	8095801	1987/QĐ-UBND, 27/6/2024	1.000		994	952	42	33	
(3)	Nâng cấp, sửa chữa trường tiểu học Vĩnh Thuận Tây 1	2024-2025	8095819	1988/QĐ-UBND, 27/6/2024	1.000		995	953	42	33	
(4)	Nâng cấp, sửa chữa trường tiểu học Vĩnh Thuận Tây 2	2024-2025	8095820	1989/QĐ-UBND, 27/6/2024	1.000		976	934	41	33	

Phụ lục V-HAU GIANG

DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025

(Nguồn vốn: Tăng thu tiết kiệm chi năm 2023)

(Kèm theo Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	TỔNG SỐ				**3.500**	**0**	**3.500**	**211**	**3.289**	**3.289**	
I	**NGÂN SÁCH HUYỆN QUẢN LÝ (NAY LÀ BAN KHU VỰC)**				**3.500**	**0**	**3.500**	**211**	**3.289**	**3.289**	
1	**UBND thị xã Long Mỹ (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Mỹ 1)**				**3.500**	**0**	**3.500**	**211**	**3.289**	**3.289**	
(1)	Cải tạo vòng xoay Quốc lộ 61B - Trần Hưng Đạo	2024-2025	8107270	5230/QĐ-UBND, 28/11/2024	3.500		3.500	211	3.289	3.289	

Phụ lục VI-HAU GIANG

DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025

(Nguồn vốn: Sử dụng đất năm 2023)

(Kèm theo Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	TỔNG SỐ				**1.600**	**0**	**1.600**	**117**	**1.483**	**1.483**	
I	**NGÂN SÁCH HUYỆN QUẢN LÝ (NAY LÀ BAN KHU VỰC)**				**1.600**	**0**	**1.600**	**117**	**1.483**	**1.483**	
1	**UBND thị xã Long Mỹ (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Mỹ 1)**				**1.600**	**0**	**1.600**	**117**	**1.483**	**1.483**	
(1)	Cổng chào thị xã Long Mỹ, phường Vĩnh Tường	2024-2025	8107271	5263/QĐ-UBND, ngày 03/12/2024	1.600		1.600	117	1.483	1.483	

Phụ lục VII-HAU GIANG

DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025

(Nguồn vốn: Tỉnh bổ sung năm 2024)

(Kèm theo Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	TỔNG SỐ										
I	**NGÂN SÁCH HUYỆN QUẢN LÝ (NAY LÀ BAN KHU VỰC)**				**3.000**	**0**	**3.000**	**177**	**2.823**	**2.822**	
1	**UBND thị xã Long Mỹ (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Mỹ 1)**				**3.000**	**0**	**3.000**	**177**	**2.823**	**2.822**	
(1)	Sửa chữa nâng cấp bờ kè và hệ thống chiếu sáng công cộng bờ kè sông Cái Lớn	2024-2025	8121630	5659/QĐ-UBND 25/12/2024	600		600	59	541	541	
(2)	Lắp đặt đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến Quốc lộ 61B (đoạn từ Km1+400 đến Km2+600)	2024-2025	8119753	5660/QĐ-UBND 25/12/2024	1.200		1.200	57	1.143	1.143	
(3)	Nâng cấp lắp đặt đèn chiếu sáng công cộng khu vực nội ô thị xã Long Mỹ	2024-2025	8119754	5661/QĐ-UBND 25/12/2024	1.200		1.200	61	1.139	1.139	

Phụ lục VIII-HAU GIANG

DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025

(Nguồn vốn chi đầu tư phát triển đã bố trí cho các công trình trong năm 2023 giải ngân không hết)

(Kèm theo Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	**UBND thành phố Vị Thanh (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vị Thanh)**				**37.843**	**0**	**7.675**	**6.208**	**1.467**	**1.454**	
(1)	Đường Hòa Bình nối dài	2021-2024	7871670	QĐ 255 ngày 09/02/2021; 1548 ngày 05/11/2024	37.293		7.488	6.036	1.452	1.452	
(2)	Sửa chữa cầu Nàng Chăng, phường IV, thành phố Vị Thanh	2024-2026	7936335	QĐ 3446 ngày 13/12/2024	550		187	172	15	2	

Phụ lục I-SOCTRANG

TỔNG HỢP SỐ VỐN KẾ HOẠCH NĂM 2024 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025
CÁC NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	**200.112**	
	Vốn ngân sách địa phương	**200.112**	
	Trong đó:		
	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (Cân đối ngân sách địa phương)	354	Tiếp nhận từ ngân sách huyện Kế Sách (cũ)
	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	211	Tiếp nhận từ ngân sách huyện Kế Sách (cũ)
	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	150.199	
	Nguồn vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023 (vốn tăng thu xổ số kiến thiết)	37.776	
	Nguồn vốn khác cấp huyện giao bổ sung	11.572	Tiếp nhận từ ngân sách thị xã Vĩnh Châu, huyện Kế Sách và huyện Thạnh Trị (cũ)

Phụ lục II-SOCTRANG

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025

(Nguồn vốn Xổ số kiến thiết)

(Kèm theo Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư theo các Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 và 1510/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh Sóc Trăng (cũ)	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư sau điều chỉnh	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	**TỔNG SỐ**									**150.199**	
	NGÂN SÁCH TỈNH TRỢ CẤP CHO NS CÁC HUYỆN, TX, TP	**NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ QUẢN LÝ (Phần tiếp nhận chuyển giao từ nguồn trợ cấp mục tiêu ngân sách cấp huyện)**									**150.199**	
1	**Thành phố Sóc Trăng**	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Sóc Trăng**									**7.671**	
(1)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 3, lớp 7, thành phố Sóc Trăng	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 3, lớp 7, thành phố Sóc Trăng	2024-2025	8061527	1789/QĐ-UBND; 09/9/2024	8.757	8.757	8.000	328	7.672	7.671	
2	**Thị xã Vĩnh Châu**	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vĩnh Châu**									**10.997**	
(1)	Trường tiểu học 2 Phường 2, thị xã Vĩnh Châu	Trường tiểu học 2 Phường 2, thị xã Vĩnh Châu	2024-2025	7927152	2536/QĐ-UBND, 30/10/2023	14.998	14.730	10.730	10.123	607	606	
(2)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, thị xã Vĩnh Châu	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, thị xã Vĩnh Châu	2024-2025	8099499	2556/QĐ-UBND, 09/10/2024	10.300	10.300	5.000	247	4.753	4.753	
(3)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9, thị xã Vĩnh Châu	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9, thị xã Vĩnh Châu	2024-2025	8101381	2557/QĐ-UBND, 09/10/2024	10.300	10.300	5.000	262	4.738	4.738	
(4)	Trường Tiểu học 1 phường 1, thị xã Vĩnh Châu	Trường Tiểu học 1 phường 1, thị xã Vĩnh Châu	2024-2025	7927150	2534/QĐ-UBND, 30/10/2023	14.900	14.900	14.900	14.000	900	900	
3	**Huyện Cù Lao Dung**	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Cù Lao Dung**									**9.467**	

TT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư theo các Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 và 1510/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh Sóc Trăng (cũ)	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư sau điều chỉnh	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
(1)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, huyện Cù Lao Dung	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, huyện Cù Lao Dung	2024-2025	8104198	2309/QĐ-UBND, 11/10/2024	9.000	9.000	5.000	266	4.734	4.733	
(2)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9, huyện Cù Lao Dung	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9, huyện Cù Lao Dung	2024-2025	8104199	2310/QĐ-UBND, 11/10/2024	9.000	9.000	5.000	266	4.734	4.734	
4	**Huyện Kế Sách**	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kế Sách**									**17.339**	
(1)	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng, xã Thới An Hội, huyện Kế Sách	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng, xã Thới An Hội, huyện Kế Sách	2024-2025	8041989	297/QĐ-UB(XDCB).23,09/10/2023	14.900	14.900	14.900	13.920	980	979	
(2)	Trường Mẫu giáo thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách	Trường Mẫu giáo thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách	2024-2025	8041991	299/QĐ-UB(XDCB).23,09/10/2023	14.900	14.900	14.900	13.903	997	997	
(3)	Trường Mẫu giáo Hoa Mai, xã Kế Thành, huyện Kế Sách	Trường Mẫu giáo Hoa Mai, xã Kế Thành, huyện Kế Sách	2024-2025	8041990	308/QĐ-UB(XDCB).23,19/10/2023	14.900	14.900	14.900	13.688	1.212	1.211	
(4)	Trường Mẫu giáo An Mỹ, xã An Mỹ, huyện Kế Sách	Trường Mẫu giáo An Mỹ, xã An Mỹ, huyện Kế Sách	2024-2025	8041988	298/QĐ-UB(XDCB).23,09/10/2023	14.900	14.900	14.900	13.028	1.872	1.872	
(5)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 3, lớp 7 huyện Kế Sách	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 3, lớp 7 huyện Kế Sách	2024-2025	8052843	201/QĐ-UB(XDCB).24; 31/5/2024	8.466	8.466	8.450	6.169	2.281	2.280	
(6)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, huyện Kế Sách	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, huyện Kế Sách	2024-2025	8104195	412/QĐ-UB(XDCB).24, 22/10/2024	9.620	9.620	5.000	0	5.000	5.000	
(7)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9, huyện Kế Sách	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9, huyện Kế Sách	2024-2025	8104196	413/QĐ-UB(XDCB).24, 22/10/2024	9.620	9.620	5.000	0	5.000	5.000	
5	**Huyện Long Phú**	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Phú**									**15.152**	

TT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư theo các Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 và 1510/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh Sóc Trăng (cũ)	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư sau điều chỉnh	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
(1)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, huyện Long Phú	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, huyện Long Phú	2024-2025	8109297	248/QĐ-UBND, 21/10/2024	9.800	9.800	7.200	0	7.200	7.200	
(2)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9 huyện Long Phú	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9 huyện Long Phú	2024-2025	8109296	249/QĐ-UBND, 21/10/2024	9.800	9.800	7.150	0	7.150	7.150	
(3)	Đường dấu nối Cống âu Rạch Mọp, xã Song Phụng, huyện Long Phú	Đường dấu nối Cống âu Rạch Mọp, xã Song Phụng, huyện Long Phú	2024-2025	8086206	982/QĐ-UBND, 13/5/2024	12.166	7.166	2.092	1.289	803	802	
6	**Huyện Mỹ Tú**	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Mỹ Tú**									**21.982**	
(1)	Trường THCS Mỹ Phước	Trường THCS Mỹ Phước	2024-2025	7914188	4873/QĐ-UBND, 26/10/2023	14.700	14.450	14.450	13.632	818	817	
(2)	Trường THCS Hưng Phú	Trường THCS Hưng Phú	2024-2025	7909193	4870/QĐ-UBND, 26/10/2023	7.550	7.550	7.550	6.540	1.010	1.009	
(3)	Trường tiểu học Mỹ Phước E	Trường tiểu học Mỹ Phước E	2024-2025	7909192	4872/QĐ-UBND, 26/10/2023	14.979	14.900	14.900	14.060	840	840	
(4)	Trường tiểu học Mỹ Phước D	Trường tiểu học Mỹ Phước D	2024-2025	7909191	4871/QĐ-UBND, 26/10/2023	14.997	14.950	14.950	7.640	7.310	7.310	
(5)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 3, lớp 7 huyện Mỹ Tú	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 3, lớp 7 huyện Mỹ Tú	2024-2025	8054812	1102/QĐ-UBND, 20/3/2024	10.012	10.012	10.012	8.198	1.814	1.814	
(6)	Trường tiểu học Mỹ Tú B, huyện Mỹ Tú	Trường tiểu học Mỹ Tú B, huyện Mỹ Tú	2024-2025	8091384	3307/QĐ-UBND; 12/6/2024	8.244	8.000	4.000	3.808	192	192	
(7)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, huyện Mỹ Tú	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, huyện Mỹ Tú	2024-2025	8095168	5496/QĐ-UBND, 22/10/2024	10.000	10.000	5.000		5.000	5.000	
(8)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9, huyện Mỹ Tú	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9, huyện Mỹ Tú	2024-2025	8095169	5497/QĐ-UBND, 22/10/2024	10.000	10.000	5.000		5.000	5.000	
7	**Huyện Mỹ Xuyên**	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Mỹ Xuyên**									**4.438**	

TT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư theo các Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 và 1510/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh Sóc Trăng (cũ)	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư sau điều chỉnh	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
(1)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 3, lớp 7 huyện Mỹ Xuyên	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 3, lớp 7 huyện Mỹ Xuyên	2024-2025	8061194	5473/QĐ-UBND; 20/12/2023	9.915	9.915	4.500	61	4.439	4.438	
8	**Huyện Châu Thành**	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Châu Thành**									**28.995**	
(1)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, huyện Châu Thành	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, huyện Châu Thành	2024-2025	8102266	3918/QĐ-UBND, 09/10/2024	9.900	9.900	5.000	70	4.930	4.930	
(2)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9 huyện Châu Thành	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9 huyện Châu Thành	2024-2025	8102267	3919/QĐ-UBND, 09/10/2024	9.900	9.900	5.000	71	4.929	4.929	
(3)	Trường tiểu học An Ninh A, huyện Châu Thành	Trường tiểu học An Ninh A, huyện Châu Thành	2024-2025	8091416	2380/QĐ-UBND,06/6/2024	14.900	14.900	14.900	6.797	8.103	8.103	
(4)	Trường mầm non Hướng Dương, huyện Châu Thành	Trường mầm non Hướng Dương, huyện Châu Thành	2024-2025	8091415	2381/QĐ-UBND,06/6/2024	14.900	14.900	14.900	6.468	8.432	8.431	
(5)	Đường huyện 96, huyện Châu Thành (đoạn 2)	Đường huyện 96, huyện Châu Thành (đoạn 2)	2024-2025	8102269	3874/QĐ-UBND, 03/10/2024	14.580	14.580	5.000	4.065	936	935	
(6)	Xây dựng cây cầu trên đường huyện 92, huyện Châu Thành	Xây dựng cây cầu trên đường huyện 92, huyện Châu Thành	2024-2025	8102268	3872/QĐ-UBND, 03/10/2024	8.500	8.500	4.038	2.371	1.667	1.667	
9	**Huyện Thạnh Trị**	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thạnh Trị**									**21.907**	
(1)	Xây dựng phòng học Trường Mầm non Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Lợi, huyện Thạnh Trị	Xây dựng phòng học Trường Mầm non Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Lợi, huyện Thạnh Trị	2024-2025	7919933	2793/QĐ-UBND, 31/10/2023; 906/QĐ-UBND, 23/4/2024	14.900	14.900	14.900	8.931	5.969	5.968	
(2)	Xây dựng mới Trường Mầm non Lâm Tân, xã Lâm Tân, huyện Thạnh Trị	Xây dựng mới Trường Mầm non Lâm Tân, xã Lâm Tân, huyện Thạnh Trị	2024-2025	8109157	2890/QĐ-UBND, 14/10/2024	14.900	14.900	6.000	61	5.939	5.939	
(3)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, huyện Thạnh Trị	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, huyện Thạnh Trị	2024-2025	8109155	2901/QĐ-UBND, 17/10/2024	9.400	9.400	5.000	0	5.000	5.000	

TT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư theo các Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 và 1510/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh Sóc Trăng (cũ)	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư sau điều chỉnh	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
(4)	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9 huyện Thạnh Trị	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9 huyện Thạnh Trị	2024-2025	8109156	2902/QĐ-UBND, 17/10/2024	9.400	9.400	5.000	0	5.000	5.000	
10	**Huyện Trần Đề**	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Trần Đề**									**12.251**	
(1)	Trường tiểu học Tài Văn 2	Trường tiểu học Tài Văn 2	2023-2025	7911961	3744/QĐ-UBND, 24/10/2022	12.000	12.000	2.000	0	2.000	2.000	
(2)	Trường mẫu giáo Thạnh Thới An	Trường mẫu giáo Thạnh Thới An	2023-2025	7911964	3743/QĐ-UBND, 24/10/2022	14.900	14.900	4.900	4.506	394	393	
(3)	Nâng cấp, xây dựng Trường tiểu học thị trấn Lịch Hội Thượng B	Nâng cấp, xây dựng Trường tiểu học thị trấn Lịch Hội Thượng B	2023-2025	7911956	3742/QĐ-UBND, 24/10/2022	13.000	13.000	3.000	13	2.987	2.987	
(4)	Nâng cấp, xây dựng trường THCS Tài Văn	Nâng cấp, xây dựng trường THCS Tài Văn	2024-2025	7911962	5073/QĐ-UBND, 30/10/2023	13.000	13.000	13.000	10.441	2.559	2.558	
(5)	Nâng cấp, xây dựng Trường tiểu học thị trấn Lịch Hội Thượng A	Nâng cấp, xây dựng Trường tiểu học thị trấn Lịch Hội Thượng A	2024-2025	7911955	5072/QĐ-UBND, 30/10/2023	14.900	14.900	14.900	12.052	2.848	2.847	
(6)	Nâng cấp, xây dựng trường THCS Thạnh Thới An	Nâng cấp, xây dựng trường THCS Thạnh Thới An	2024-2025	7911963	5074/QĐ-UBND, 30/10/2023	8.555	8.555	8.555	7.089	1.466	1.466	

Phụ lục III - SOCTRANG

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025

(Nguồn vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023 (vốn tăng thu xổ số kiến thiết))

(Kèm theo Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư theo các Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh Sóc Trăng (cũ)	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư sau điều chỉnh	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	**TỔNG SỐ**				**41.577**	**41.577**	**41.575**	**3.798**	**37.777**	**37.776**	
	NGÂN SÁCH TỈNH TRỢ CẤP CHO NS CÁC HUYỆN, TX, TP	**NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ QUẢN LÝ (Phần tiếp nhận chuyển giao từ nguồn trợ cấp mục tiêu ngân sách cấp huyện)**				**41.577**	**41.577**	**41.575**	**3.798**	**37.777**	**37.776**	
1	**Thị xã Ngã Năm**	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ngã Năm**				**28.400**	**28.400**	**28.400**	**3.798**	**24.602**	**24.601**	
(1)	Xây dựng tuyến lộ Ấp 18 nối từ Quốc lộ 61B giáp huyện Thạnh Trị, thị xã Ngã Năm	Xây dựng tuyến lộ Ấp 18 nối từ Quốc lộ 61B giáp huyện Thạnh Trị, thị xã Ngã Năm	2024-2026	8102264	1883/QĐ-UBND, 26/8/2024	13.500	13.500	13.500	543	12.957	12.957	
(2)	Xây dựng tuyến lộ kênh Huỳnh Yến - Kênh Ngang, thị xã Ngã Năm	Xây dựng tuyến lộ kênh Huỳnh Yến - Kênh Ngang, thị xã Ngã Năm	2024-2025	8102265	1884/QĐ-UBND, 26/8/2024	14.900	14.900	14.900	3.255	11.645	11.644	
2	**Huyện Kế Sách**	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kế Sách**				**13.177**	**13.177**	**13.175**	**0**	**13.175**	**13.175**	
(1)	Kè và cải tạo khu vực Tượng đài anh hùng lực lượng vũ trang Thiều Văn Chỏi, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách.	Kè và cải tạo khu vực Tượng đài anh hùng lực lượng vũ trang Thiều Văn Chỏi, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách.	2024-2025	8104194	404/QĐ-UBND (XDCB).24, 08/10/2024	13.177	13.177	13.175	-	13.175	13.175	

Phụ lục IV-SOCTRANG

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 TIẾP NHẬN VỀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ TỪ NGÂN SÁCH THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG (CŨ)

(Kèm theo Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư theo các Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 và 103/QĐ-BMNN.C ngày 13/3/2025 của UBND thị xã Vĩnh Châu (cũ)	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư sau điều chỉnh	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	**TỔNG SỐ**									**9.125**	
I	**PHÂN CẤP NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**	**NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ (Tiếp nhận từ ngân sách cấp huyện)**									**1.505**	
	Đầu tư khác	Đầu tư khác									1.505	Theo Tờ trình riêng
II	**PHÂN CẤP NGÂN SÁCH CẤP XÃ (Ngân sách cấp huyện chuyển giao cho cấp xã)**										**7.620**	
1	**Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu (cũ)**	**Phường Vĩnh Châu**									**1.596**	
(1)	Trụ sở Uy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu	Trụ sở Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu	2024	8107074	2487/QĐ-UBND, 11/10/2024	3.319		3.134	1.538	1.596	1.596	
2	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Vĩnh Châu**	**Phường Vĩnh Châu**									**847**	
(1)	Nâng cấp Đường Đinh Tiên Hoàng	Nâng cấp Đường Đinh Tiên Hoàng	2024	8107753	2481/QĐ-UBND, 10/10/2024	1.591		1.734	887	847	847	
3	**UBND phường 2, thị xã Vĩnh Châu (cũ)**	**Phường Vĩnh Châu**									**1.552**	
(1)	Nâng cấp, cải tạo Nhà văn hóa Phường 2	Nâng cấp, cải tạo Nhà văn hóa Phường 2	2024	8107075	2489/QĐ-UBND, 11/10/2024	1.386		1.552	0	1.552	1.552	
4	**Phòng Quản lý đô thị thị xã Vĩnh Châu**	**Phường Vĩnh Châu**									**143**	
(1)	Duy tu bảo dưỡng đèn trang trí tuyến Đường Nguyễn Huệ, Phường 1	Duy tu bảo dưỡng đèn trang trí tuyến Đường Nguyễn Huệ, Phường 1	2024	8107653	2498/QĐ-UBND, 11/10/2024	1.095		1.087	1.037	50	50	
(2)	Duy tu bảo dưỡng khung đèn trang trí vòng xuyến 30/4, Đường Nguyên Huệ, Phường 1	Duy tu bảo dưỡng khung đèn trang trí vòng xuyến 30/4, Đường Nguyên Huệ, Phường 1	2024	8107654	2499/QĐ-UBND, 11/10/2024	262		283	248	35	35	
(3)	Duy tu, bảo dưỡng đèn trang trí Đường Lê Lợi, Phường 1	Duy tu, bảo dưỡng đèn trang trí Đường Lê Lợi, Phường 1	2024	8107652	2500/QĐ-UBND, 11/10/2024	572		562	537	25	25	

TT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư theo các Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 và 103/QĐ-BMNN.C ngày 13/3/2025 của UBND thị xã Vĩnh Châu (cũ)	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư sau điều chỉnh	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
(4)	Duy tu bảo dưỡng khung đèn trang trí Đường Thanh Niên, Lê Lai Phường 1; cải tạo, sửa chữa bảng điện tử nông thôn mới xã Lai Hòa và lát gạch vỉa hè cổng chào Mỹ Thanh 1 phường Khánh Hòa	Duy tu bảo dưỡng khung đèn trang trí Đường Thanh Niên, Lê Lai Phường 1; cải tạo, sửa chữa bảng điện tử nông thôn mới xã Lai Hòa và lát gạch vỉa hè cổng chào Mỹ Thanh 1 phường Khánh Hòa	2024	8107655	2501/QĐ-UBND, 11/10/2024	773		757	724	33	33	
5	**Phòng Quản lý đô thị thị xã Vĩnh Châu**	**Phường Vĩnh Phước**									**123**	
(1)	Lắp đèn chiếu sáng tuyến lộ Cả Tích, xã Vĩnh Tân (đoạn từ Quốc lộ Nam Sông Hậu đến Cầu Cả Tích)	Lắp đèn chiếu sáng tuyến lộ Cả Tích, xã Vĩnh Tân (đoạn từ Quốc lộ Nam Sông Hậu đến Cầu Cả Tích)	2024	8107651	2502/QĐ-UBND, 11/10/2024	491		495	467	28	28	
(2)	Lắp đèn chiếu sáng tuyến lộ Nô Thum, xã Vĩnh Tân (đoạn từ Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Nô Thum đến giáp ranh phường Vĩnh Phước)	Lắp đèn chiếu sáng tuyến lộ Nô Thum, xã Vĩnh Tân (đoạn từ Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Nô Thum đến giáp ranh phường Vĩnh Phước)	2024	8107650	2503/QĐ-UBND, 11/10/2024	331		344	318	26	26	
(3)	Lắp đèn chiếu sáng Lộ Đê Bao, xã Vĩnh Tân	Lắp đèn chiếu sáng Lộ Đê Bao, xã Vĩnh Tân	2024	8107649	2504/QĐ-UBND, 11/10/2024	841		874	805	69	69	
6	**UBND xã Hòa Đông (cũ)**	**Phường Khánh Hòa**									**2.095**	
(1)	Nâng cấp, cải tạo Nhà văn hóa xã Hòa Đông	Nâng cấp, cải tạo Nhà văn hóa xã Hòa Đông	2024	8107645	2493/QĐ-UBND, 11/10/2024	2.193		2.207	112	2.095	2.095	
7	**Xã Vĩnh Hải**	**Xã Vĩnh Hải**									**1.264**	
(1)	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hải	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hải	2024	8107451	2494/QĐ-UBND, 11/10/2024	1.394		1.347	83	1.264	1.264	

Phụ lục V-SOCTRANG

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 TIẾP NHẬN VỀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG (CŨ)

(Kèm theo Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư theo các Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 của UBND huyện Kế Sách (cũ)	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư sau điều chỉnh	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025,	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	**TỔNG SỐ**									**2.674**	
I	**PHÂN CẤP NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**	**NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ (Tiếp nhận từ ngân sách cấp huyện)**									**2.674**	
	Đầu tư khác	Đầu tư khác						17.948	15.272	2.676	2.674	Theo Tờ trình riêng
	Trong đó:											
	- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương							*354*		*354*	*354*	
	- Nguồn thu tiền sử dụng đất							*2.246*	*2.034*	*212*	*211*	
	- Nguồn vốn ngân sách huyện							*15.348*	*13.238*	*2.110*	*2.109*	

Phụ lục VI-SOCTRANG

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 TIẾP NHẬN VỀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG (CŨ)

(Kèm theo Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư theo các Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của UBND huyện Thạnh Trị (cũ)	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư sau điều chỉnh	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024	Giải ngân đến hết 31/01/2025	Số vốn đến hết ngày 31/01/2025 chưa giải ngân hết	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh quản lý, hỗ trợ					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	**TỔNG SỐ**									**338**	
I	**PHÂN CẤP NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**	**NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ (Tiếp nhận từ ngân sách cấp huyện)**									**338**	
	Đầu tư khác	Đầu tư khác						10.000	9.662	338	338	Theo Tờ trình riêng